

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

Số: 13 /2017/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hậu Giang, ngày 13 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện
Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 171/2014/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại Quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 23 tháng 4 năm 2017.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Hậu Giang, Chủ tịch UBND huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *nl*

Nơi nhận: *nl*

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Công Thương (Cục Xúc tiến Thương mại);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn

QUY CHẾ

Xây dựng, quản lý và thực hiện

Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND
ngày 13 tháng 4 năm 2017 của UBND tỉnh Hậu Giang)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang (sau đây gọi tắt là Chương trình).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các đơn vị chủ trì thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị chủ trì), các đơn vị tham gia thực hiện Chương trình, cơ quan quản lý Chương trình và cơ quan cấp kinh phí hỗ trợ.

Điều 3. Mục tiêu Chương trình

Chương trình được xây dựng trên cơ sở định hướng phát triển xuất khẩu; thị trường trong nước, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo từng thời kỳ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, nhằm mục tiêu:

1. Tăng cường hoạt động xúc tiến thương mại, phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước.
2. Góp phần nâng cao năng lực sản xuất, kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh.
3. Hỗ trợ công tác quy hoạch, vận hành hạ tầng thương mại.
4. Gắn kết các hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư và du lịch của tỉnh.

Điều 4. Đơn vị chủ trì

1. Đơn vị chủ trì: Trung tâm Xúc tiến Thương mại tỉnh; các cơ quan, đơn vị trong tỉnh thực hiện hoạt động xúc tiến thương mại, đề án xúc tiến thương mại đáp ứng các mục tiêu, điều kiện quy định tại Quy chế này và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đơn vị chủ trì phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Có tư cách pháp nhân.
- b) Có khả năng huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện Chương trình.
- c) Nắm rõ nhu cầu xúc tiến thương mại của doanh nghiệp.
- d) Có kinh nghiệm, năng lực trong việc tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại.

đ) Thực hiện Chương trình nhằm mang lại lợi ích cho cộng đồng doanh nghiệp, không nhằm mục đích lợi nhuận.

3. Đơn vị chủ trì được tiếp nhận kinh phí hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình và có trách nhiệm quyết toán kinh phí hỗ trợ theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình

1. Đơn vị tham gia thực hiện Chương trình (sau đây gọi tắt là đơn vị tham gia) là các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, các hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh,... trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị tham gia được hỗ trợ nguồn kinh phí thực hiện theo quy định tại Quy chế này, chịu trách nhiệm nâng cao hiệu quả Chương trình xúc tiến thương mại.

Điều 6. Cơ quan quản lý nhà nước về Chương trình

Sở Công Thương chịu trách nhiệm quản lý Chương trình, thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị có liên quan và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố phổ biến định hướng phát triển xuất khẩu, thị trường trong nước theo chiến lược, quy hoạch và các Đề án phát triển ngành được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Hướng dẫn xây dựng đề án xúc tiến thương mại theo quy định tại Quy chế này.

3. Quy định tiêu chí đánh giá đối với các đề án xúc tiến thương mại phù hợp mục tiêu, yêu cầu của Chương trình.

4. Đánh giá, thẩm định các đề án tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

5. Phê duyệt các đề án xúc tiến thương mại chi tiết trong Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh sau khi đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Tổ chức triển khai, giám sát, kiểm tra việc thực hiện các đề án thuộc Chương trình.

7. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh.

8. Tổng hợp đánh giá kết quả, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan liên quan về tình hình thực hiện Chương trình.

9. Giám đốc Sở Công Thương quyết định thành lập và ban hành Quy chế làm việc của Hội đồng thẩm định Chương trình. Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: Giám đốc Sở Công Thương làm Chủ tịch Hội đồng và thành viên gồm đại diện lãnh đạo: các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương, sở, ngành liên quan. Hội đồng có nhiệm vụ thẩm định các đề án xúc tiến thương mại của đơn vị chủ trì xây dựng, tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 7. Kinh phí thực hiện Chương trình

1. Kinh phí thực hiện Chương trình được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh giao hàng năm.
- b) Đóng góp của các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Chương trình.
- c) Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
- d) Nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho Chương trình theo nguyên tắc:

- a) Kinh phí thực hiện Chương trình được giao trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho Sở Công Thương.
- b) Hỗ trợ đơn vị tham gia thực hiện Chương trình thông qua đơn vị chủ trì.

Điều 8. Quản lý kinh phí xúc tiến thương mại của tỉnh

1. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nội dung Chương trình, Sở Công Thương có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện Chương trình xây dựng dự toán kinh phí địa phương hỗ trợ về các nội dung Chương trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và tổng hợp chung vào kế hoạch ngân sách hàng năm, gửi Sở Tài chính thẩm định theo quy định; đồng thời, có trách nhiệm hướng dẫn các đơn vị thực hiện Chương trình quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí Chương trình theo quy định của nhà nước.

2. Sở Công Thương có trách nhiệm triển khai thực hiện các nội dung Chương trình đã được cấp thẩm quyền phê duyệt nhưng tổng mức kinh phí hỗ trợ thực hiện các đề án của Chương trình không vượt quá kinh phí (hoặc tổng dự toán) đã được phê duyệt.

Chương II

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 9. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình xúc tiến thương mại thị trường trong nước

1. Tổ chức, tham gia các Hội chợ, triển lãm hàng tiêu dùng tổng hợp hoặc vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn, giới thiệu các sản phẩm của doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đến người tiêu dùng theo quy mô thích hợp với địa bàn của tỉnh.

a) Mức hỗ trợ tối đa: 50% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng.
- Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ.
- Chi phí quản lý.
- Trang trí chung của Hội chợ triển lãm.
- Tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng.

- Tổ chức Hội thảo: chi phí thuê Hội trường, thiết bị.
- Các khoản chi phí khác (nếu có) để dự phòng một số khoản chi cần thiết như vé máy bay, vận chuyển.

- Chi phí tuyên truyền quảng bá giới thiệu Hội chợ triển lãm.

Mức hỗ trợ tối đa đối với nội dung quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này không quá 10 triệu đồng/1 đơn vị tham gia và hỗ trợ không quá 03 lần/1 đơn vị/1 năm.

b) Mức hỗ trợ tối đa 100% các chi phí thực hiện gian hàng chung của tỉnh tham gia Hội chợ triển lãm thương mại:

- Chi phí mặt bằng.
- Chi phí thiết kế dàn dựng gian hàng.
- Chi phí phát sinh hàng hóa trưng bày.

2. Tổ chức các hoạt động bán hàng: thực hiện các Chương trình đưa hàng Việt Nam về nông thôn, các khu công nghiệp, khu đô thị thông qua các doanh nghiệp theo ngành hàng, hợp tác xã, tổ hợp tác xã, cơ sở sản xuất, hộ kinh doanh cung ứng dịch vụ trên địa bàn tỉnh theo Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Mức hỗ trợ: không quá 70% các khoản chi phí:

- a) Chi phí vận chuyển.
- b) Chi phí thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng quầy hàng.
- c) Dịch vụ phục vụ: điện, nước, vệ sinh, an ninh, bảo vệ.
- d) Trang trí chung của khu vực tổ chức hoạt động bán hàng.
- đ) Tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng.
- e) Chi phí tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về giới thiệu việc tổ chức hoạt động bán hàng.

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 50 triệu đồng/đợt bán hàng.

3. Chi hỗ trợ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong nước; xây dựng cơ sở dữ liệu các mặt hàng quan trọng, thiết yếu; nghiên cứu phát triển hệ thống phân phối, cơ sở hạ tầng thương mại. Các ấn phẩm để phổ biến kết quả điều tra, khảo sát, phổ biến pháp luật, tập quán, thói quen mua sắm. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí:

- a) Chi phí mua tư liệu.
- b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu.
- c) Chi phí xuất bản và phát hành.

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 01 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

4. Tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về hàng hóa và dịch vụ Việt Nam đến người tiêu dùng trong nước qua các hoạt động truyền thông trên báo giấy, báo điện tử, truyền thanh, truyền hình, ấn phẩm và các hình thức phổ biến thông tin khác: hỗ trợ không quá 60% chi phí thực hiện nội dung sản phẩm truyền thông và phát hành.

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 15 triệu đồng/1 chuyên đề tuyên truyền.

5. Tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại thị trường trong nước tổng hợp: tháng khuyến mại, tuần hàng Việt Nam, chương trình hàng Việt, chương trình giới thiệu sản phẩm mới, bình chọn sản phẩm Việt Nam được yêu thích nhất theo tháng, quý, năm: hỗ trợ không quá 50% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại hợp đồng thực hiện Chương trình, Đề án trong phạm vi khoản chi phí quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này với mức không chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

6. Tổ chức đào tạo, tập huấn ngắn hạn về kỹ năng kinh doanh, tổ chức mạng lưới bán lẻ; hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo chuyên ngành ngắn hạn cho các doanh nghiệp hoạt động trong những ngành đặc thù; đào tạo kỹ năng phát triển thị trường trong nước cho các đơn vị chủ trì; hợp tác với các tổ chức, cá nhân nghiên cứu xây dựng chương trình phát triển thị trường trong nước. Được thực hiện khi có chủ trương chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Mức hỗ trợ không quá 50% các khoản chi phí cho đối tượng là doanh nghiệp, hợp tác xã. Hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi cho đối tượng là các tổ chức xúc tiến thương mại do nhà nước quản lý và cán bộ, công chức, viên chức, gồm chi phí (áp dụng một trong hai trường hợp), cụ thể như sau:

a) Chi phí thuê giảng viên, thuê lớp học, thuê thiết bị giảng dạy cho học viên được thực hiện theo Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức.

b) Học phí trọn gói của khóa học phải được ký kết hợp đồng với các cơ sở đào tạo có đủ năng lực và khả năng giảng dạy.

7. Các hoạt động xúc tiến thương mại khác: mức hỗ trợ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Điều 10. Nội dung và mức hỗ trợ kinh phí đối với Chương trình xúc tiến thương mại định hướng xuất khẩu

1. Tổ chức thông tin thương mại, nghiên cứu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu các thị trường xuất khẩu trọng điểm theo ngành hàng:

Mức hỗ trợ không quá 70% các khoản chi phí:

a) Chi phí mua tư liệu.

b) Chi phí điều tra, khảo sát và tổng hợp tư liệu.

c) Chi phí xuất bản và phát hành.

d) Các khoản chi phí khác (nếu có).

Mức hỗ trợ với nội dung này không quá 1,5 triệu đồng/1 đơn vị đăng ký và nhận thông tin.

2. Tổ chức tuyên truyền xuất khẩu:

a) Quảng bá hình ảnh, tiềm năng, thế mạnh, các ngành hàng chủ lực, các sản phẩm đặc trưng của tỉnh ra thị trường nước ngoài nhằm xúc tiến thương mại, du lịch và mời gọi đầu tư.

Mức hỗ trợ không quá 50% chi phí, bao gồm:

- Chi phí thiết kế, xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông.
- Chi phí sản xuất, xuất bản và phát hành trong nước và nước ngoài để giới thiệu, quảng bá hình ảnh ngành hàng, chỉ dẫn địa lý.

b) Mời đại diện cơ quan truyền thông nước ngoài đến Việt Nam để viết bài, làm phóng sự trên báo, tạp chí, truyền thanh, truyền hình, internet nhằm quảng bá cho xuất khẩu Việt Nam theo hợp đồng trọn gói: hỗ trợ không quá 50% chi phí sản phẩm truyền thông hoàn thành (bộ phim đã phát sóng, bài viết đã đăng).

3. Tổ chức thuê chuyên gia trong và ngoài nước để tư vấn phát triển sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm, phát triển xuất khẩu, thâm nhập thị trường nước ngoài:

a) Hợp đồng trọn gói với chuyên gia tư vấn: hỗ trợ không quá 50% chi phí sản phẩm tư vấn hoàn thành.

b) Tổ chức cho chuyên gia trong và ngoài nước gặp gỡ, phổ biến kiến thức và tư vấn cho doanh nghiệp: hỗ trợ tối đa 100% chi phí thuê hội trường, thiết bị, trang trí, tài liệu, biên dịch, phiên dịch, phương tiện đi lại cho chuyên gia.

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 02 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

4. Đào tạo, tập huấn ngắn hạn trong và ngoài nước, nhằm nâng cao nghiệp vụ xúc tiến thương mại đối với:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất, kinh doanh. Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này không quá 50%.

b) Trung tâm xúc tiến thương mại. Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này tối đa 100%.

5. Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm thương mại:

a) Tổ chức, tham gia hội chợ triển lãm tại nước ngoài: mức hỗ trợ không quá 100% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng.

- Trang trí chung của khu vực Việt Nam (bao gồm cả gian hàng của tỉnh nếu có).

- Tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, trang thiết bị, trang trí, âm thanh, ánh sáng, phiên dịch, an ninh, lễ tân, nước uống, tài liệu, diễn giả.

- Trình diễn sản phẩm: thuê địa điểm, thiết kế và trang trí sân khấu, âm thanh, ánh sáng, trang thiết bị, người trình diễn, người dẫn chương trình, phiên dịch.

- Công tác phí cho cán bộ tổ chức Chương trình.

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 100 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức hội chợ triển lãm định hướng xuất khẩu tại Việt Nam: mức hỗ trợ không quá 50% các khoản chi phí:

- Thuê mặt bằng và thiết kế, dàn dựng gian hàng.

- Dịch vụ phục vụ: điện nước, vệ sinh, an ninh, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ (nếu chưa tính trong chi phí thuê mặt bằng và gian hàng).

- Chi phí quản lý của đơn vị tổ chức hội chợ triển lãm.

- Trang trí chung của hội chợ triển lãm.

- Tổ chức khai mạc, bế mạc: giấy mời, đón tiếp, trang trí, âm thanh, ánh sáng.

- Tổ chức hội thảo: chi phí thuê hội trường, thiết bị.

- Các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ tối đa với nội dung này không quá 12 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

c) Tuyên truyền quảng bá và mời khách đến giao dịch khi tổ chức hội chợ triển lãm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều này: hỗ trợ tối đa 100% chi phí sản xuất, phát hành giới thiệu hội chợ triển lãm và các khoản chi khác (nếu có).

Mức hỗ trợ với nội dung này không quá 10% chi phí tổ chức hội chợ quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 5 Điều này.

6. Tổ chức đoàn giao dịch thương mại tại nước ngoài:

Các nội dung này thực hiện khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương và chấp thuận danh sách các doanh nghiệp tham gia theo đoàn. Mức hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí vé máy bay khứ hồi: 01 vé máy bay khứ hồi/01 đơn vị tham gia.

b) Tổ chức hội thảo giao thương: thuê hội trường, thiết bị, giấy mời, phiên dịch, tài liệu.

c) Công tác phí cho cán bộ tổ chức, tham gia đoàn là đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước, định mức chi áp dụng theo quy định tài chính hiện hành.

Mức hỗ trợ đối với nội dung này không quá: 20 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Á; 30 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Châu Âu, Châu Phi, Châu Úc, Bắc Mỹ, Tây Á; 50 triệu đồng/01 đơn vị tham gia giao dịch thương mại tại khu vực Trung Mỹ, Mỹ La Tinh.

7. Chi hỗ trợ tổ chức hoạt động xúc tiến tổng hợp: hỗ trợ không quá 70% các khoản chi theo nội dung cụ thể tại Khoản 5, Khoản 6 Điều này với mức không chế số tiền hỗ trợ theo tỷ lệ tương ứng.

8. Chi hỗ trợ tổ chức đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến tỉnh Hậu Giang giao dịch mua hàng (gồm chi phí tổ chức giao dịch thương mại: chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu, tuyên truyền quảng bá; công tác phí cho cán bộ đơn vị chủ trì đi cùng đoàn thực hiện công tác tổ chức và chi phí ăn ở, đi lại trong phạm vi tỉnh cho doanh nghiệp nước ngoài). Hỗ trợ công tác phí cho 02 người của đơn vị chủ trì đi theo đoàn thực hiện công tác tổ chức đối với đoàn có dưới 10 doanh nghiệp, không quá 04 người đối với đoàn có từ 10 doanh nghiệp trở lên.

Mức hỗ trợ áp dụng cho nội dung này tối đa 100%.

9. Chi hỗ trợ tổ chức hội nghị quốc tế ngành hàng xuất khẩu tại Việt Nam: hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí sau:

a) Chi phí thuê và trang trí hội trường, trang thiết bị, phiên dịch, biên dịch, in ấn tài liệu.

b) Chi phí tuyên truyền, quảng bá.

10. Chi hỗ trợ “Các hoạt động xúc tiến thương mại đã thực hiện và có hiệu quả trong việc mở rộng thị trường xuất khẩu”: hỗ trợ tối đa 100% các khoản chi phí (nếu hoạt động này chưa được hỗ trợ trong Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia):

a) 01 vé máy bay khứ hồi/ 01 đơn vị tham gia.

b) Chi phí ăn, ở.

c) Chi phí tham gia gian hàng hội chợ triển lãm.

Mức hỗ trợ nội dung này không quá 100 triệu đồng/1 đơn vị tham gia.

Điều 11. Phân bổ và thanh quyết toán kinh phí xúc tiến thương mại

1. Căn cứ dự toán ngân sách phân bổ cho đơn vị thực hiện Chương trình (sau khi được cơ quan tài chính thẩm định), đơn vị chủ trì thực hiện rút dự toán để thực hiện theo quy định của nhà nước.

2. Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát, thanh toán cho từng nhiệm vụ của Chương trình theo quy định về chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước theo chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Quy chế này.

3. Sau khi kết thúc Chương trình, đơn vị chủ trì thực hiện có trách nhiệm tập hợp đầy đủ chứng từ thu, chi theo nội dung đã được phê duyệt. Riêng đối với những nội dung nhà nước hỗ trợ một phần chi phí, đơn vị chủ trì có trách nhiệm huy động đủ nguồn kinh phí để thực hiện và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của chứng từ, hóa đơn thực hiện.

Chương III

XÂY DỰNG VÀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Điều 12. Xây dựng đề án xúc tiến thương mại của tỉnh

1. Các đơn vị chủ trì xây dựng đề án xúc tiến thương mại hàng năm của tỉnh theo mẫu do Sở Công Thương quy định để tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh.

2. Các đề án xúc tiến thương mại của tỉnh phải đáp ứng các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với nhu cầu thực tế của doanh nghiệp.

b) Phù hợp với định hướng xuất khẩu những mặt hàng chủ yếu của tỉnh.

c) Phù hợp với quy hoạch phát triển các vùng kinh tế, mặt hàng của tỉnh.

d) Phù hợp với nội dung Chương trình quy định tại Điều 9 Điều 10 Quy chế này.

đ) Đảm bảo tính khả thi về phương thức triển khai; thời gian, tiến độ triển khai; nguồn nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất kỹ thuật.

3. Sở Công Thương có trách nhiệm công bố công khai nội dung của Chương trình đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trên website của Sở Công Thương để các đơn vị được biết, đăng ký tham gia.

Điều 13. Tiếp nhận, đánh giá, thẩm định và phê duyệt đề án

1. Đơn vị chủ trì gửi đề án xúc tiến thương mại đến Sở Công Thương trước ngày 15 tháng 10 hàng năm để thẩm định, tổng hợp và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định.

2. Sở Công Thương căn cứ vào mục tiêu, yêu cầu, nội dung quy định tại Quy chế này và tiêu chí lựa chọn đánh giá, thẩm định nội dung đề án của đơn vị chủ trì và tổng hợp vào Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh hàng năm, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

Điều 14. Điều chỉnh và chấm dứt thực hiện đề án

1. Trường hợp có điều chỉnh, thay đổi nội dung hoặc chấm dứt thực hiện đề án đã được phê duyệt, các đơn vị chủ trì phải có văn bản giải thích rõ lý do và kiến nghị phương án điều chỉnh.

2. Trường hợp xét thấy cần thay đổi nội dung đề án cho phù hợp với yêu cầu và tình hình cụ thể, đơn vị chủ trì đề nghị Giám đốc Sở Công Thương xem xét, thẩm định để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

3. Trường hợp đơn vị chủ trì không thực hiện đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ đề án đã được phê duyệt hoặc xét thấy nội dung đề án không còn phù hợp, Giám đốc Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chấm dứt việc thực hiện đề án.

4. Trường hợp không thực hiện được hoặc không hoàn thành đề án trong năm kế hoạch, đơn vị chủ trì có trách nhiệm báo cáo Giám đốc Sở Công Thương trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

5. Sau khi có quyết định điều chỉnh hoặc chấm dứt thực hiện đề án, Sở Công Thương thực hiện việc điều chuyển kinh phí còn dư (nếu có) để bổ sung cho các đề án đã phê duyệt phát sinh tăng kinh phí, các đề án mới theo quy định.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương

1. Giao Sở Công Thương chủ trì triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Chương trình đảm bảo Chương trình được thực hiện theo đúng yêu cầu, mục tiêu, nội dung, tiến độ, hiệu quả và theo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

Không tiếp nhận việc đăng ký thực hiện đề án trong năm tiếp theo đối với đơn vị chủ trì vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm và các quy định tại Quy chế này.

2. Sở Tài chính thẩm định dự toán kinh phí Chương trình xúc tiến thương mại theo khả năng cân đối ngân sách khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt các nội dung Chương trình hàng năm; đồng thời, kiểm tra, xét duyệt quyết toán kinh phí theo quy định hiện hành.

3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố theo chức năng nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Công Thương thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích đẩy mạnh hoạt động xuất khẩu của tỉnh. Thông báo nội dung Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Hậu Giang đến các doanh nghiệp thuộc địa phương mình quản lý biết và thực hiện.

Điều 16. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì

1. Tổ chức thực hiện các đề án được phê duyệt theo đúng mục tiêu, nội dung, tiến độ, dự toán; đảm bảo sử dụng kinh phí tiết kiệm, có hiệu quả và chịu trách nhiệm về nội dung chi theo đúng chế độ tài chính hiện hành và Quy chế này.

2. Có trách nhiệm lựa chọn đơn vị tham gia phù hợp tiêu chí đã cam kết trong đề án. Nội dung tham gia của doanh nghiệp phải phù hợp với sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

3. Đối với nội dung đề án có nhiều đơn vị tham gia, đơn vị chủ trì có trách nhiệm phối hợp và phân công các đơn vị tham gia thực hiện từng nội dung của đề án.

4. Đình chỉ không tham gia Chương trình 03 năm kế tiếp trong trường hợp đơn vị tham gia không báo cáo kịp thời Chương trình đã đăng ký thực hiện trong năm cho đơn vị chủ trì.

5. Đơn vị chủ trì gửi báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nội dung đề án về Sở Công Thương chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc các nội dung của đề án. Định kỳ 06 tháng 01 lần, các đơn vị chủ trì phải gửi báo cáo tình hình thực hiện đề án về Sở Công Thương (06 tháng đầu năm trước ngày 31 tháng 7 và cả năm trước ngày 31 tháng 12); đồng thời, thông báo cho các đơn vị tham gia đề án các báo cáo liên quan.

6. Sở Công Thương theo dõi, tổng hợp việc thực hiện các đề án của Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm và báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị tham gia

1. Tổ chức thực hiện theo đúng nội dung đã đăng ký.
2. Cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin trung thực liên quan đến tình hình thực hiện đề án, tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát theo quy định tại Quy chế này; đồng thời, chấp hành các chế độ kiểm tra, thanh tra của các cấp có thẩm quyền về kinh phí được hỗ trợ.

Điều 18. Triển khai thực hiện

Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền thì các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp kịp thời phản ánh về Sở Công Thương để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./. TM

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tuấn